

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng, thiết bị:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|-----------|
| 1.1. Đối với các thiết bị, vật tư, vật liệu chính: Xi măng, cát, đá, gạch, sắt thép các loại, vật tư an toàn giao thông, vật tư điện, thiết bị... (theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế) dự kiến sử dụng trong công trình | <p>- Có danh mục vật tư nêu rõ chi tiết tên, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, nguồn cung cấp của đầy đủ các vật tư, thiết bị chính, đồng thời cung cấp hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp hoặc cam kết của nhà cung cấp về việc cung cấp đúng chủng loại, vật tư, thiết bị theo danh mục đã dự thầu</p> <p>- Thông số kỹ thuật đáp ứng đầy đủ các Yêu cầu về chủng loại, đặc tính kỹ thuật, chất lượng nêu tại chương V của E-HSMT này.</p> | Đạt |
| | <p>Không có danh mục vật tư, thiết bị hoặc có nhưng nêu không rõ chi tiết tên, mã hiệu, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, nguồn cung cấp của các vật tư chính, không có hợp đồng nguyên tắc hoặc cam kết về việc cung cấp đúng chủng loại vật tư, thiết bị theo danh mục đã dự thầu</p> <p>- Thông số kỹ thuật không đáp ứng đầy đủ các Yêu cầu về chủng loại, đặc tính kỹ thuật, chất lượng nêu tại chương V của E-HSMT này.</p> | Không đạt |
| 1.2 Thí nghiệm vật liệu trước khi đưa vào sử dụng | <p>Nhà thầu có hợp đồng nguyên tắc thí nghiệm vật liệu đối với các vật liệu trước khi đưa vào sử dụng với một đơn vị có đủ năng lực theo quy định của pháp luật.</p> <p>(Tài liệu chứng minh: Giấy phép đăng ký kinh doanh của đơn vị thí nghiệm vật liệu và Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp)</p> | Đạt |

| | | |
|-----------------|--|------------------|
| | Nhà thầu không có hợp đồng nguyên tắc thí nghiệm vật liệu hoặc không có tài liệu chứng minh. | Không đạt |
| Kết luận | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt | Đạt |
| | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

2. Giải pháp kỹ thuật:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|------------------|
| 2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: Thiết bị thi công, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công (Bao gồm thuyết minh + Bản vẽ) | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt |
| | Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt |
| 2.2. Giải pháp thi công gồm các công việc chính (Công tác phá dỡ, vận chuyển phế thải, công tác thi công các hạng mục tháp vòng xuyên, hệ thống màn hình led, tiếp địa, thi công các hạng mục bó vỉa, cây xanh, công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường,...) | Có giải pháp kỹ thuật đầy đủ nội dung công việc chính và hợp lý, phù hợp với hiện trạng công trình, thống nhất với biện pháp thi công, tiến độ thi công, đơn giá dự thầu đã đề xuất trong HSĐT | Đạt |
| | Giải pháp kỹ thuật không đầy đủ nội dung công việc chính, không hợp lý, không phù hợp với hiện trạng công trình không thống nhất với biện pháp thi công, tiến độ thi công, đơn giá dự thầu đã đề xuất trong HSĐT. | Không đạt |
| Kết luận | Toàn bộ tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt | Đạt |
| | Có tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

3. Biện pháp tổ chức thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---------------------------------|--|-----------|
| 3.1 Bản vẽ bố trí tổng mặt bằng | Có bản vẽ đầy đủ, chi tiết phù hợp với nội dung công việc của gói thầu phù hợp đề xuất tổ chức mặt bằng và phù hợp hiện trạng công trình, có vị trí đấu nối điện, nước phục vụ thi công | Đạt |
| | Không có hoặc có bản vẽ nhưng không phù hợp với nội dung công việc của gói thầu, không phù hợp đề xuất tổ chức mặt bằng, không phù hợp hiện trạng công trình, không có vị trí cụ thể khu vực bố trí, không có vị trí đấu nối điện, nước thi công | Không đạt |

| | | |
|--|---|------------------|
| 3.2 Bản vẽ biện pháp thi công cho các hạng mục công tác | Có bản vẽ đầy đủ, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của công trình của các công tác sau: a. Bản vẽ biện pháp thi công công tác phá dỡ, vận chuyển phế thải. b. Bản vẽ biện pháp thi công Tháo vòng xuyên; đào đất, đắp đất; Thi công móng bê tông cốt thép; kết cấu cột thép c. Biện pháp thi công: Lắp đặt hệ thống màn hình led d. Biện pháp thi công: Trồng cây xanh e. Biện pháp thi công: Bó vữa, hoàn thiện vữa hè f. Biện pháp thi công: Hệ thống cáp ngầm, tủ điện g. Bản vẽ biện pháp thi công đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường và đảm bảo an toàn pccc. | Đạt |
| | Không có bản vẽ đầy đủ hoặc có đầy đủ nhưng không phù hợp với bản vẽ thiết kế, không phù hợp với đề xuất tiến độ, không phù hợp với đơn giá dự thầu, không phù hợp với hiện trạng, không phù hợp với giải pháp kỹ thuật, thuyết minh biện pháp thi công đã đề xuất | Không đạt |
| 3.3 Thuyết minh biện pháp thi công cho các hạng mục của công trình | Có thuyết minh đầy đủ các hạng mục và cho đầy đủ các công tác thể hiện trong bản vẽ biện pháp thi công dự thầu, nội dung thuyết minh phù hợp với bản vẽ biện pháp thi công và phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của HSMT cũng như phù hợp với hiện trạng công trình | Đạt |
| | Không có thuyết minh hạng mục công tác theo yêu cầu trên hoặc có nhưng không phù hợp với bản vẽ biện pháp thi công hoặc không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của HSMT, không phù hợp với hiện trạng công trình | Không đạt |
| Kết luận | Toàn bộ tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt | Đạt |
| | Có tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

4. Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|-----|
| 4.1. Thời gian thi công: Đảm bảo thời gian thi công theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. | Có bảng tiến độ thi công và bảng tiến độ huy động vật liệu, nhân công, thiết bị cho các hạng mục công trình phù hợp hạng mục hồ sơ thiết kế, với điều kiện thực tế công trình, đề xuất kỹ thuật của nhà thầu và yêu cầu HSMT với thời gian hoàn thành không quá số ngày quy định | Đạt |

| | | |
|--|---|------------------|
| | Không có bảng tiến độ thi công, bảng tiến độ huy động vật liệu, nhân công, thiết bị cho các hạng mục công trình hoặc có nhưng không phù hợp hạng mục hồ sơ thiết kế, với điều kiện thực tế công trình, đề xuất kỹ thuật của nhà thầu và yêu cầu HSMT với thời gian hoàn thành dài hơn số ngày quy định được xác định. | Không đạt |
| 4.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b). | Đạt |
| | Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b). | Không đạt |
| 4.3. Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công: | Có đề xuất Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công, duy trì thi công khi mất điện, duy trì thi công trong mùa mưa lũ, đảm bảo thiết bị trên công trường hoạt động liên tục hợp lý, khả thi. | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc đề xuất nhưng không hợp lý, không khả thi | Không đạt |
| Kết luận | Toàn bộ tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt | Đạt |
| | Có tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|-----------|
| 5.1. Thuyết minh hợp lý về biện pháp bảo đảm chất lượng gồm nội dung như sơ đồ bố trí tổ chức giám sát, kiểm tra các khâu thi công, thực hiện thí nghiệm phục vụ thi công, ghi nhật ký... | Có thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi. | Đạt |
| | Không có thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi. | Không đạt |
| 5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công. | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công. | Không đạt |
| 5.3. Cam kết cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và tài | Nhà thầu phải cam kết sẽ cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và tài liệu chứng minh chất lượng của vật tư, vật liệu, thiết | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|------------------|
| liệu chứng minh chất lượng của vật tư, vật liệu, thiết bị đưa vào công trình. | bị đưa trước khi đưa vào sử dụng trong công trình đồng thời cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chân thực của các tài liệu này <i>(Thiết bị sản xuất trong nước có giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ, có giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn của nhà sản xuất (C/Q); Thiết bị nhập khẩu có giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (C/O) do nước sản xuất cấp, giấy tờ thông quan của cục hải quan, giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn của nhà sản xuất (CQ))</i> | |
| | Nhà thầu không cam kết đầy đủ nội dung theo yêu cầu | Không đạt |
| Kết luận | Toàn bộ tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt | Đạt |
| | Có tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự và đảm bảo phòng chống dịch bệnh:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|-----------|
| 6.1. An toàn lao động | | |
| 6.1.1 Có biện pháp bảo đảm an toàn lao động phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có thuyết minh biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi, đáp ứng các quy định hiện hành về an toàn lao động | Đạt |
| | Không có thuyết minh biện pháp an toàn lao động hoặc có thuyết minh nhưng không hợp lý, khả thi, không đáp ứng các quy định hiện hành về an toàn lao động | Không đạt |
| 6.1.2 Đào tạo an toàn lao động cho cán bộ nhân sự và nhân lực tham gia thực hiện gói thầu | Cam kết toàn bộ nhân sự tham gia thực hiện gói thầu thực tế tại hiện trường đều được đào tạo an toàn lao động đúng theo quy định của Pháp luật trước khi tham gia thi công công trình, sẵn sàng cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh cho chủ đầu tư khi có yêu cầu. | Đạt |
| | Không cam kết nội dung theo yêu cầu | Không đạt |
| 6.1.3 Bảo hiểm cho người lao động tham gia thực hiện gói thầu | Cam kết toàn bộ nhân sự do nhà thầu bố trí tham gia thực hiện gói thầu thực tế tại hiện trường đều được đóng đầy đủ bảo hiểm tai nạn lao động, và sẽ cung cấp tài liệu chứng minh khi chủ đầu tư có yêu cầu. | Đạt |
| | Không cam kết nội dung theo yêu cầu | Không đạt |
| 6.2. Phòng cháy, chữa cháy | | |

| | | |
|--|--|------------------|
| Có giải pháp phòng chống cháy nổ, chữa cháy | Có thuyết minh giải pháp khả thi, hợp lý, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | Không có thuyết minh hoặc có nhưng giải pháp không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Không đạt |
| 6.3. Vệ sinh môi trường | | |
| Có giải pháp chống ô nhiễm môi trường trong quá trình, thi công, vận chuyển phế thải, vật tư, vật liệu, chống ồn các khu lân cận | - Có thuyết minh giải pháp khả thi, hợp lý, có cam kết đổ thải vật liệu đúng quy định và cam kết trình duyệt vị trí đổ thải trước khi vận chuyển ra khỏi công trình đồng thời sẽ cung cấp biên bản xác nhận sau khi đổ thải khi có yêu cầu. - Cam kết tuân thủ các quy định phạt hợp đồng tương ứng nếu có đối với các vi phạm về vệ sinh môi trường | Đạt |
| | - Không có thuyết minh hoặc có nhưng giải pháp không hợp lý, không khả thi, - Không cam kết các nội dung theo yêu cầu | Không đạt |
| 6.4 Biện pháp đảm bảo về an ninh trật tự và đảm bảo phòng chống dịch bệnh | | |
| Đề xuất phương án và cam kết đảm bảo về an ninh trật tự và đảm bảo phòng chống dịch bệnh | Nhà thầu có thuyết minh về biện pháp bảo đảm an ninh trật tự và phòng chống dịch bệnh đáp ứng tuân thủ các quy định về an ninh trật tự và các quy định về phòng chống dịch bệnh tại địa phương, cơ quan thực hiện gói thầu. Nhà thầu Cam kết đầy đủ các nội dung sau: - Để đảm bảo về yêu cầu trật tự an ninh nhà thầu phải cam kết toàn bộ cán bộ và công nhân kỹ thuật của nhà thầu có đầy đủ giấy tờ tùy thân, có lý lịch rõ ràng, không có tiền án tiền sự. - Cam kết việc tổ chức thi công đảm bảo tuân thủ các quy định về an ninh trật tự tại địa phương. - Cam kết nhân sự của nhà thầu sẽ được khám sức khỏe bởi cơ quan y tế có thẩm quyền trước khi tham gia thực hiện gói thầu, cam kết chỉ bố trí nhân sự có sức khỏe tốt để tham gia thực hiện các công việc thuộc gói thầu, không sử dụng nhân sự đang mắc các bệnh dịch nguy hiểm có khả năng lây nhiễm cao. | Đạt |
| | Không cam kết đầy đủ các nội dung trên | Không đạt |
| Kết luận | Toàn bộ tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt | Đạt |
| | Có tiêu chuẩn chi tiết xác định là không đạt | Không đạt |

7. Bảo hành, bảo trì và uy tín của nhà thầu:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|------------------|
| 7.1. Bảo hành | | |
| Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì | <ul style="list-style-type: none"> • Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng. • Có trình bày về kế hoạch bảo hành, bảo trì đầy đủ, chi tiết. | Đạt |
| | <ul style="list-style-type: none"> • Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng hoặc không trình bày, trình bày không đầy đủ, chi tiết về kế hoạch bảo hành, bảo trì. | Không đạt |
| 7.2. Uy tín của nhà thầu | | |
| Uy tín của nhà thầu: Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. | Đáp ứng và có cam kết của nhà thầu về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | Đạt |
| | Không đáp ứng hoặc không có cam kết theo yêu cầu | Không đạt |
| Kết luận | Toàn bộ tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt | Đạt |
| | Có tiêu chuẩn chi tiết xác định là không đạt | Không đạt |

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.